Trung tâm Tin học và Tính toán
vanthu@cic.vast.vn
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
19-07-2023 14:58:59 +07:00

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
18-07-2023 15:23:29 +07:00

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1468/QĐ-VHL	*Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2023

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch- Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Website Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, KHTC,NTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Giang

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-VHL ngày 18 / 7 /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2023	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
I	**Số thu phí, lệ phí**	**15.000,00**	**15.000,00**												
1	Lệ phí	**0,00**	**0,00**												
2	Phí	15.000,00	15.000,00												
	Phí bảo tàng	15.000,00	15.000,00												
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	**14.250,00**	**14.250,00**												
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	14.250,00	14.250,00												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.250,00	14.250,00												
2	Chi quản lý hành chính	**0,00**	**0,00**												
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**750,00**	**750,00**												
3.1	Lệ phí	**0,00**	**0,00**												
3.2	Phí bảo tàng	750,00	750,00												
B	**Dự toán chi NSNN**	**1.108.190,00**	**1.075.077,20**	**25.995,75**	**15.334,25**	**14.361,50**	**58.038,09**	**26.371,74**	**48.524,65**	**15.559,72**	**43.699,78**	**31.204,74**	**30.158,76**	**29.809,16**	**14.829,90**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**954.050,00**	**920.937,20**	**23.680,75**	**15.334,25**	**14.361,50**	**58.038,09**	**26.371,74**	**48.524,65**	**14.909,72**	**43.699,78**	**31.204,74**	**30.158,76**	**29.809,16**	**14.829,90**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0,00												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0,00												
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**835.420,00**	**815.735,20**	**23.552,75**	**15.334,25**	**14.286,50**	**55.123,09**	**26.371,74**	**48.524,65**	**14.909,72**	**43.644,78**	**24.794,74**	**28.698,76**	**28.969,16**	**11.739,90**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		324.891,00	3.900,00	3.350,00	3.450,00	28.250,00	4.200,00	31.160,00	6.250,00	23.350,00	7.200,00	17.350,00	16.440,00	2.150,00
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2023	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ		*306.291,00*	*3.300,00*	*2.150,00*	*2.550,00*	*26.450,00*	*3.450,00*	*29.960,00*	*5.950,00*	*22.600,00*	*6.300,00*	*16.900,00*	*15.540,00*	*1.850,00*
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở		*18.600,00*	*600,00*	*1.200,00*	*900,00*	*1.800,00*	*750,00*	*1.200,00*	*300,00*	*750,00*	*900,00*	*450,00*	*900,00*	*300,00*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		382.515,80	15.346,35	11.207,25	10.256,50	22.323,09	17.671,74	15.824,65	6.459,72	18.914,78	14.167,74	9.935,46	10.819,16	8.854,90
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		108.328,40	4.306,40	777,00	580,00	4.550,00	4.500,00	1.540,00	2.200,00	1.380,00	3.427,00	1.413,30	1.710,00	735,00
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**85.930,00**	**75.602,00**	**128,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	85.930,00	75.602,00	128,00											
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**14.120,00**	**14.120,00**	**0,00**	**0,00**	**75,00**	**115,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**55,00**	**2.360,00**	**1.460,00**	**840,00**	**3.090,00**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.120,00	14.120,00			75,00	115,00				55,00	2.360,00	1.460,00	840,00	3.090,00
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**10.050,00**	**6.950,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2.800,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**3.850,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.050,00	6.950,00				2.800,00					3.850,00			
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**8.530,00**	**8.530,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**200,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.530,00	8.530,00									200,00			
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**10.360,00**	**10.360,00**	**2.315,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**650,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**10.360,00**	**10.360,00**	**2.315,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**650,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
2.1	Dự án Phân biệt hệ chất chuyển hóa thứ cấp trong các giống Nghệ Curcuma longa L. thuần chủng thu ở các vùng khác nhau của Việt Nam	120,00	120,00												

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2023	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.2	Dự án Giá đỡ 3D chưa polysaccharide sulfate từ quả me, một loại vật liệu sinh học mới cho kỹ nghệ mô xương	146,00	146,00												
2.3	Dự án Tăng cường năng lực cho Trung tâm bảo vệ kim loại và điện hóa	3.300,00	3.300,00												
2.4	Dự án Xây dựng bộ số liệu về các chất ô nhiễm mới nổi để hỗ trợ quản lý môi trường nước mặt ở 7 thành phố lớn ở Đông và Đông Nam Á	650,00	650,00							650,00					
2.5	Dự án Chương trình nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học	2.315,00	2.315,00	2.315,00											
2.6	Dự án: Chương trình liên minh sinh kế xanh (GLA2): Rừng - Vì tương lai công bằng	2.800,00	2.800,00												
2.7	Dự án: Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam	1.029,00	1.029,00												
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**143.780,00**	**143.780,00**												
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**143.780,00**	**143.780,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học KHCN Hà Nội	143.780,00	143.780,00												

VIỆN HÀN LÂM KHOA FVIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1468 /QĐ-VHL ngày 18 / 7 /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**															
I	**Số thu phí, lệ phí**					**15.000,00**										
1	Lệ phí					0,00										
2	Phí					15.000,00										
	Phí bảo tàng					15.000,00										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					14.250,00										
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					14.250,00										
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					14.250,00										
2	Chi quản lý hành chính					0,00										
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**					**750,00**										
3.1	Lệ phí					0,00										
3.2	Phí bảo tàng					750,00										
B	**Dự toán chi NSNN**	**30.890,57**	**12.026,34**	**8.667,27**	**21.475,03**	**29.486,20**	**10.354,16**	**17.936,44**	**4.298,00**	**11.125,65**	**13.090,77**	**20.133,30**	**17.207,74**	**47.721,99**	**1.315,10**	**45.557,92**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**27.590,57**	**12.026,34**	**8.667,27**	**21.475,03**	**29.486,20**	**10.354,16**	**15.136,44**	**4.298,00**	**11.125,65**	**13.090,77**	**20.133,30**	**17.207,74**	**47.721,99**	**1.315,10**	**45.557,92**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ															
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ															
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**27.310,57**	**11.931,34**	**8.667,27**	**21.375,03**	**26.986,20**	**10.354,16**	**14.706,44**	**4.298,00**	**11.025,65**	**12.015,77**	**18.133,30**	**17.207,74**	**44.961,99**	**1.315,10**	**44.557,92**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	13.100,00	2.050,00	1.700,00	12.100,00	13.700,00	3.100,00	4.050,00	982,00	900,00	4.850,00	10.300,00	0,00	0,00	0,00	38.900,00
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	*12.500,00*	*1.150,00*	*1.400,00*	*11.500,00*	*12.800,00*	*2.800,00*	*3.450,00*	*682,00*	*600,00*	*4.550,00*	*9.700,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*38.600,00*
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở	*600,00*	*900,00*	*300,00*	*600,00*	*900,00*	*300,00*	*600,00*	*300,00*	*300,00*	*300,00*	*600,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*300,00*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	8.990,57	9.801,34	5.763,27	8.355,03	11.055,20	4.700,16	7.492,44	3.044,00	3.119,65	5.840,77	6.653,30	3.157,74	24.444,79	0,00	3.297,92
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.220,00	80,00	1.204,00	920,00	2.231,00	2.554,00	3.164,00	272,00	7.006,00	1.325,00	1.180,00	14.050,00	20.517,20	1.315,10	2.360,00
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2.760,00**	**0,00**	**1.000,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													2.760,00		1.000,00
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**280,00**	**95,00**	**0,00**	**0,00**	**480,00**	**0,00**	**430,00**	**0,00**	**0,00**	**705,00**	**2.000,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	280,00	95,00			480,00		430,00			705,00	2.000,00				
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**300,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										300,00					
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**100,00**	**2.020,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**100,00**	**70,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				100,00	2.020,00				100,00	70,00					
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**3.300,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2.800,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**3.300,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2.800,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
2.1	Dự án Phân biệt hệ chất chuyển hóa thứ cấp trong các giống Nghệ Curcuma longa L. thuần chủng thu ở các vùng khác nhau của Việt Nam															

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
2.2	Dự án Giá đỡ 3D chưa polysaccharide sulfate từ quả me, một loại vật liệu sinh học mới cho kỹ nghệ mô xương															
2.3	Dự án Tăng cường năng lực cho Trung tâm bảo vệ kim loại và điện hóa	3.300,00														
2.4	Dự án Xây dựng bộ số liệu về các chất ô nhiễm mới nổi để hỗ trợ quản lý môi trường nước mặt ở 7 thành phố lớn ở Đông và Đông Nam Á															
2.5	Dự án Chương trình nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học															
2.6	Dự án: Chương trình liên minh sinh kế xanh (GLA2): Rừng - Vì tương lai công bằng							2.800,00								
2.7	Dự án: Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam															
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**															
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học KHCN Hà Nội															

VIỆN HÀN LÂM KHOA FVIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1468 /QĐ-VHL ngày 18 / 7 /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó													
		Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển Công nghệ cao	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
I	**Số thu phí, lệ phí**														
1	Lệ phí														
2	Phí														
	Phí bảo tàng														
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại														
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin														
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
2	Chi quản lý hành chính														
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**														
3.1	Lệ phí														
3.2	Phí bảo tàng														
B	**Dự toán chi NSNN**	**11.176,21**	**12.266,10**	**16.468,13**	**12.407,78**	**11.530,94**	**22.097,63**	**5.146,85**	**6.204,30**	**18.740,72**	**5.509,48**	**17.524,44**	**44.589,65**	**182.557,45**	**63.683,00**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**11.176,21**	**12.266,10**	**16.468,13**	**12.407,78**	**11.530,94**	**22.097,63**	**5.146,85**	**6.204,30**	**17.711,72**	**5.509,48**	**17.524,44**	**44.589,65**	**38.511,45**	**63.683,00**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ														
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ														
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**10.971,21**	**12.266,10**	**14.468,13**	**7.337,78**	**11.530,94**	**22.097,63**	**5.146,85**	**6.204,30**	**16.811,72**	**5.509,48**	**17.524,44**	**2.394,65**	**8.992,45**	**63.683,00**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	3.300,00	6.550,00	7.002,00	1.600,00	4.997,00	17.720,00	1.800,00	0,00	7.050,00	750,00	11.190,00	1.800,00	8.350,00	0,00
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*

TT	Nội dung	Trong đó													
		Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển Công nghệ cao	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	*3.000,00*	*6.400,00*	*7.002,00*	*1.300,00*	*4.697,00*	*17.420,00*	*1.500,00*	*0,00*	*6.750,00*	*450,00*	*10.890,00*	*1.800,00*	*8.350,00*	
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở	*300,00*	*150,00*	*0,00*	*300,00*	*300,00*	*300,00*	*300,00*	*0,00*	*300,00*	*300,00*	*300,00*	*0,00*	*0,00*	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	7.071,21	3.611,10	6.885,38	4.357,78	4.033,94	3.727,63	2.606,85	3.195,30	7.041,72	4.519,48	3.642,44	0,00	642,45	63.683,00
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600,00	2.105,00	580,75	1.380,00	2.500,00	650,00	740,00	3.009,00	2.720,00	240,00	2.692,00	594,65		
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**42.195,00**	**29.519,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												42.195,00	29.519,00	
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**205,00**	**0,00**	**0,00**	**1.030,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**900,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	205,00			1.030,00					900,00					
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0,00**	**0,00**	**2.000,00**	**4.040,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			2.000,00	4.040,00										
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**1.029,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**266,00**	**0,00**
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**1.029,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**266,00**	**0,00**
2.1	Dự án Phân biệt hệ chất chuyển hóa thứ cấp trong các giống Nghệ Curcuma longa L. thuần chủng thu ở các vùng khác nhau của Việt Nam													120,00	

TT	Nội dung	Trong đó													
		Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển Công nghệ cao	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
2.2	Dự án Giá đỡ 3D chưa polysaccharide sulfate từ quả me, một loại vật liệu sinh học mới cho kỹ nghệ mô xương													146,00	
2.3	Dự án Tăng cường năng lực cho Trung tâm bảo vệ kim loại và điện hóa														
2.4	Dự án Xây dựng bộ số liệu về các chất ô nhiễm mới nổi để hỗ trợ quản lý môi trường nước mặt ở 7 thành phố lớn ở Đông và Đông Nam Á														
2.5	Dự án Chương trình nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học														
2.6	Dự án: Chương trình liên minh sinh kế xanh (GLA2): Rừng - Vì tương lai công bằng														
2.7	Dự án: Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam									1.029,00					
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**													**143.780,00**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**143.780,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học KHCN Hà Nội													143.780,00	